

Bản án số: 31/2022/DS-ST

Ngày: 27/7/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hữu Phúc

2/ Bà Nguyễn Thị Xuyên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1255/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020, về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 35/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: Số 198 K, Phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T, là người đại diện hợp pháp theo Giấy ủy quyền số 42/UQ-KĐO-HCNS ngày 14/01/2021.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông X, sinh năm 1977

Bà L, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Số 214B/14Bis S, Phường D, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng tạm trú: Số 42, Đường số 17, đường H, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2020, các lời khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng A có ông T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông X – Bà L đang có quan hệ tín dụng tại Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo:

1.1 Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019 được ký kết giữa VCB Kỳ Đồng và Ông X – Bà L (sau đây gọi tắt là Hợp Đồng), chi tiết như sau:

- Số tiền vay: 17.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười bảy tỷ đồng).
- Mục đích vay: Bù đắp chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại các thửa đất số 1097,1103, 1113, 1122, 1106, tờ bản đồ số 47, phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời hạn vay: 240 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu.
- Lãi suất tại thời điểm vay;
- Lãi suất cố định là 8,9%/năm trong 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Kỳ điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/lần;
- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Số tiền gốc trả mỗi kỳ:
 - + 24 kỳ đầu tiên: 30.000.000 đồng/kỳ
 - + 215 kỳ tiếp theo: 75.370.000 đồng/kỳ
 - + 1 kỳ cuối cùng: 75.450.000 đồng/kỳ
- Số lãi trả mỗi kỳ: Tính theo dư nợ gốc giảm dần.

1.2 Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng số 072.TDCN.19.0080102 ngày 17/09/2019, chi tiết như sau:

Ngày 17/09/2019, Ông Xuân có ký với Ngân hàng A Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng số 072.TDCN.19.0080102. Căn cứ hồ sơ của Ông X, tài sản thế chấp, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng visa platinum với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân; Lãi suất: 17%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông X và bà L đã thế chấp các tài sản sau:

1. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 255595, số vào sổ cấp GCN: CH09558, cụ thể như sau:

- Giá trị tài sản bảo đảm: 7.785.590.000 đồng.

- Công chứng Hợp đồng thế chấp ngày 18/09/2019 tại Văn phòng công chứng Trần Quốc Phòng. Số công chứng: 013417 Quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD.

- Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/09/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai quận 9 (số đăng ký 32939).

2. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660201, số vào sổ cấp GCN: CH09564, cụ thể như sau:

- Giá trị tài sản bảo đảm: 3.817.070.000 đồng.

- Công chứng Hợp đồng thế chấp ngày 18/09/2019 tại Văn phòng công chứng Trần Quốc Phòng. Số công chứng: 013409 Quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD.

- Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/09/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai quận 9 (số đăng ký 32941).

3. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660211, số vào sổ cấp GCN: CH09574, cụ thể như sau:

- Giá trị tài sản bảo đảm: 5.086.460.000 đồng.

- Công chứng Hợp đồng thế chấp ngày 18/09/2019 tại Văn phòng công chứng Trần Quốc Phòng. Số công chứng: 013416 Quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD.

- Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/09/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai quận 9 (số đăng ký 32945).

4. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660220, số vào sổ cấp GCN: CH09583, cụ thể như sau:

- Giá trị tài sản bảo đảm: 6.409.300.000 đồng.

- Công chứng Hợp đồng thế chấp ngày 18/09/2019 tại Văn phòng công chứng Trần Quốc Phòng. Số công chứng: 013425 Quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD.

- Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/09/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai quận 9 (số đăng ký 32944).

5. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660204, số vào sổ cấp GCN: CH09567, cụ thể như sau:

+ Giá trị tài sản bảo đảm: 4.721.200.000 đồng.

+ Công chứng Hợp đồng thế chấp ngày 18/09/2019 tại Văn phòng công chứng Trần Quốc Phòng. Số công chứng: 013418 Quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD.

+ Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/09/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai quận 9 (số đăng ký 32942).

3. Quá trình thu hồi nợ

Tạm tính đến thời điểm ngày 07/03/2022, tổng nợ của Ông X – Bà L tại Ngân hàng là: 20.902.025.233 đồng, trong đó:

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019:

+ Nợ gốc: 16.879.599.997 đồng

+ Lãi trong hạn: 3.699.033.840 đồng

+ Lãi quá hạn: 41.362.737 đồng;

+ Tổng: 20.619.996.575 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ sáu trăm mười chín triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng).

Trong quá trình vay, ông X và bà L đã trả được số tiền là 670.607.459 đồng, trong đó nợ gốc: 120.400.003 đồng và nợ lãi 550.207.456 đồng.

Khoản vay của Ông X – Bà L đã quá hạn kể từ ngày 05/03/2020, kể từ thời điểm quá hạn đến nay, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp với Ông X – Bà L.

- Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng số 072.TDCN.19.0080102 ngày 17/09/2019:

+ Nợ gốc: 136.695.707 đồng

+ Lãi: 59.359.603 đồng

+ Lãi quá hạn: 81.854.244 đồng

+ Phí vượt hạn mức: 4.119.104 đồng

+ Tổng cộng: 282.028.658 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi hai triệu không trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm năm mươi tám đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông X đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 59.178.411 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Khoản 4.1 Điều 4 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank. Ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau: Lãi quá hạn là 81.854.244 đồng, lãi trong hạn là 59.359.603 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 136.695.707 đồng. Ông X sử dụng thẻ từ tháng 10/2019 đến tháng 03/2020 và có thanh toán đều cho Ngân hàng nhưng đến tháng 04/2020 thì ngưng thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông X vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông X vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 29/06/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn

bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Khoản 3.1 Điều 3 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 136.695.707 đồng áp dụng theo mức lãi suất quá hạn là 3%/tháng. Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 29/06/2020 đến 07/03/2022 là 81.854.244 đồng.

Mặc dù, phía Ngân hàng đã tạo nhiều cơ hội, tìm kiếm giải pháp để ông X và bà L thực hiện phương án trả nợ cho ngân hàng, tuy nhiên tất cả các phương án ông X và bà L đều không nghiêm túc thực hiện, có dấu hiệu cố tình trốn tránh, trì hoãn việc trả nợ.

Nội dung yêu cầu:

Căn cứ các nội dung nêu trên và căn cứ vào “Điều 14. Giải quyết tranh chấp, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại” theo hợp đồng cho vay đã ký, Ngân hàng A yêu cầu Tòa án tuyên buộc như sau:

Tuyên buộc ông X và bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông X và bà L thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019 và Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín số 072.TDCN.19.0080102 ngày 17/09/2019. Số tiền nợ vay tạm tính đến ngày 07/03/2022 là: 20.902.025.233 đồng (bằng chữ: *Hai mươi tỷ chín trăm lẻ hai triệu không trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm ba mươi ba đồng*), trong đó:

Nợ vay theo Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019 là 20.619.996.575 đồng:

- Nợ gốc: 16.879.599.997 đồng;
- Lãi trong hạn: 3.699.033.840 đồng;
- Lãi quá hạn: 41.362.737 đồng;

Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng số 072.TDCN.19.0080102 ngày 17/09/2019 là 282.028.658 đồng:

- Nợ gốc: 136.695.707 đồng;
- Lãi trong hạn: 59.359.603 đồng;
- Lãi quá hạn: 81.854.244 đồng;
- Phí vượt hạn mức: 4.119.104 đồng;

Ngoài ra ông X và bà L vẫn phải còn phải tiếp tục trả khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 07/03/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019 và Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng số 072.TDCN.19.0080102 ngày 17/09/2019.

Trong trường hợp ông X và bà L không thực hiện và/hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đề nghị Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1097, 1103, 1113, 1122, 1106, tờ bản đồ số 47, phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông X và bà L đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của pháp luật, nhưng ông Xuân và bà Linh vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông Xuân và bà Linh.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng A có ông T là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày: Do bị đơn ông X và bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông X và bà L phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019 và Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín số 072.TDCN.19.0080102 ngày 17/09/2019 tạm tính đến ngày 27/7/2022 là 21.677.395.276 đồng (bằng chữ: *Hai mươi một tỷ sáu trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi sáu đồng*), trong đó:

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019:

+ Nợ gốc: 16.879.599.997 đồng

+ Lãi trong hạn: 4.388.553.939 đồng

+ Lãi quá hạn: 64.211.753 đồng;

+ Tổng: 21.332.365.689 đồng (Bằng chữ: *Hai mươi một tỷ ba trăm ba mươi hai triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm tám mươi chín đồng*).

- Khoản vay theo Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín số 072.TDCN.19.0080102 ngày 17/09/2019:

+ Nợ gốc: 136.695.707 đồng

+ Lãi: 69.595.940 đồng

+ Lãi quá hạn: 127.768.333 đồng

+ Phí vượt hạn mức: 10.969.607 đồng

+ Tổng cộng: 345.029.587 đồng (Bằng chữ: *Ba trăm bốn mươi lăm triệu không trăm hai mươi chín ngàn năm trăm tám mươi bảy đồng*).

Ngoài ra ông X và bà L vẫn phải còn phải tiếp tục trả khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 07/03/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019 và Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín số 072.TDCN.19.0080102 ngày 17/09/2019.

Trong trường hợp ông X và bà L không thực hiện và/hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đề nghị Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại các thửa đất số 1097, 1103, 1113, 1122, 1106 tờ bản đồ số 47, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh gồm:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 255595, số vào sổ cấp GCN: CH09558; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660201, số vào sổ cấp GCN: CH09564; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660211, số vào sổ cấp GCN: CH09574; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660220, số vào sổ cấp GCN: CH09583; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660204, số vào sổ cấp GCN: CH09567, do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/5/2019 cho ông X và bà L, để thu hồi nợ về cho Ngân hàng.

Bị đơn ông X và bà L Linh vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

[1.1]. Nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện bị đơn ông X và bà L phải trả số tiền nợ vay, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng cho vay nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 14.1, Điều 14 Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019 được ký kết tại số 1, Phường Q, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh các bên thỏa thuận “...*Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này được các bên giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa các bên. Trường hợp không thương lượng được, các bên nhất trí giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi Ngân hàng A có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện*”. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 3

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn ông X và bà VL đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt ông X và bà L.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Đối với khoản nợ vay tín dụng

[2.1.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc: Ngân hàng A yêu cầu Tòa án tuyên buộc bị đơn ông X và bà L phải trả số tiền 16.879.599.997 đồng Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019 thể hiện ông X và bà L có vay của Ngân hàng A số tiền 17.000.000.000 đồng với mục đích vay bù đắp tiền xây dựng/sửa nhà/mua nhà ở/mua đất ở. Thời hạn vay 240 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay lần đầu. Phương thức cho vay: Từng lần. Lãi suất trong hạn: 8.9%/năm, 03 tháng điều chỉnh một lần. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Căn cứ Giấy nhận nợ số 01 ngày 25/9/2019 thì Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 17.000.000.000 đồng và Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông X và bà L đã trả được số tiền 670.607.459 đồng, trong đó nợ gốc: 120.400.003 đồng và nợ lãi 550.207.456 đồng. Khoản vay của ông X và bà L đã quá hạn kể từ ngày 05/03/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*

Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự: *“1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận”.*

Căn cứ khoản 11.1 Điều 11 của Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019 quy định về Quyền và nghĩa vụ của khách hàng *“trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định của hợp đồng này và/hoặc các văn bản, giấy tờ liên quan”.*

Căn cứ khoản 9.6 của Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019 quy định *“Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đối với nợ gốc mà khách hàng không trả được đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng này....”*

Xét Bị đơn – ông X và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần và tạo điều kiện để ông X và bà L trả nợ nhưng phía ông X và bà L vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019. Do đó việc Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 16.879.599.997 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.1.2]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi (tạm tính đến ngày 27/7/2022) là 4.452.765.692 đồng (Bằng chữ: *Bốn tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm chín mươi hai đồng*), trong đó: Lãi trong hạn: 4.388.553.939 đồng; Lãi quá hạn: 64.211.753 và buộc ông X, bà L phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự: “... 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...”.

Căn cứ khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019 quy định “*Mức lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị quá hạn là: 150% lãi suất cho vay trong hạn...*”

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định như sau: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*”

Xét ông X và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn cho ông X và bà L biết tuy nhiên, ông X và bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông X và bà L phải trả số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 27/7/2022 là 4.452.765.692 đồng (Bằng chữ: *Bốn tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm chín mươi hai đồng*), trong đó: Lãi trong hạn: 4.388.553.939 đồng; Lãi quá hạn: 64.211.753 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Đối với khoản nợ thẻ tín dụng:

[2.2.1]. Đối với nợ gốc: Ngân hàng A yêu cầu Tòa án tuyên buộc bị đơn ông X và bà L phải trả số tiền 136.695.707 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng số 072.TDCN.19.0080102 ngày 17/09/2019 thì giữa chủ thẻ chính là ông X và bên phát hành thẻ là Ngân hàng có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế visa platinum với hạn mức sử dụng là: 200.000.000 đồng; với mục đích tiêu dùng cá nhân; Lãi suất thẻ: 17%/năm.

Căn cứ các sao kê tài khoản thẻ tín dụng trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông X đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 195.874.118 đồng đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 59.178.411 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Khoản 4.1 Điều 4 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Ngân hàng. Ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau: Lãi quá hạn là 117.827.629 đồng, lãi trong hạn là 67.548.673 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 136.695.707 đồng. Ông X sử dụng thẻ từ tháng 10/2019 đến tháng 03/2020 và có thanh toán đều cho Ngân hàng nhưng đến tháng 04/2020 thì ngưng thanh toán.

Căn cứ điểm p khoản 2.2 Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định “... *Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng các giao dịch thẻ, phí và lãi phát sinh....*”

Căn cứ Khoản 1, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

Xét Bị đơn – ông X và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín số 072.TDCN.19.0080102 ngày 17/09/2019. Do đó việc Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông X và bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 136.695.707 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2.2]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi quá hạn và phí vượt hạn mức (tạm tính đến ngày 27/7/2022) là: 197.364.273 đồng và buộc ông X và bà L phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự: “... 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...”

Căn cứ Khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Căn cứ khoản 4.1 Điều 4 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định “...*Các khoản thanh toán số dư sao kê được áp dụng theo thứ tự sau: Phí thường niên, phí phạt, phí không thanh toán....*”

Căn cứ khoản 4.7 Điều 4 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định “...*Chủ thẻ phải chịu khoản phí vượt hạn mức tính trên dư nợ vượt hạn mức tín dụng khi chủ thẻ sử dụng vượt hạn mức tín dụng được cấp....*”

Xét trong quá trình thanh toán nợ cho Ngân hàng, bị đơn ông X và bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của ông X – bà LL sang nợ quá hạn kể từ ngày 29/6/2020 là phù hợp. Do đó việc Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông X và bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi và phí vượt hạn mức tạm tính đến ngày 27/7/2022 là 197.364.273 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng), trong đó lãi trong hạn 69.595.940 đồng, lãi quá hạn 127.768.333 đồng và phí vượt hạn mức 10.969.607 đồng và buộc ông X và bà L phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận tại Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín số 072.TDCN.19.0080102 ngày 17/09/2019 là có cơ sở chấp nhận

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn Ngân hàng A về việc buộc bị đơn ông X và bà L phải trả tiền nợ (tạm tính đến ngày 27/7/2022) là 21.677.395.276 đồng (bằng chữ: *Hai mươi một tỷ sáu trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi sáu đồng*), cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019 cụ thể

- Nợ gốc: 16.879.599.997 đồng;

- Lãi trong hạn: 4.388.553.939 đồng;

- Lãi quá hạn: 64.211.753 đồng;
- Tổng: 21.332.365.689 đồng (Bằng chữ: *Hai mươi một tỷ ba trăm ba mươi hai triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm tám mươi chín đồng*).

- Đối với Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng số 072.TDCN.19.0080102 ngày 17/09/2019, cụ thể:

- Nợ gốc: 136.695.707 đồng;
- Lãi trong hạn: 69.595.940 đồng;
- Lãi quá hạn: 127.768.333 đồng;
- Phí vượt hạn mức: 10.969.607 đồng

Tổng cộng: 345.029.587 đồng (Bằng chữ: *Ba trăm bốn mươi lăm triệu không trăm hai mươi chín ngàn năm trăm tám mươi bảy đồng*),

Và buộc ông X và bà L phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019 và Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín số 072.TDCN.19.0080102 ngày 17/09/2019 từ ngày 28/7/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A.

[2.3] Đối với tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019 và Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín số 072.TDCN.19.0080102 ngày 17/09/2019, ông X và bà L đã thế chấp các tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 255595, vào sổ cấp GCN: CH09558 do Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/5/2019; địa chỉ tại thửa đất số 1097, tờ bản đồ số 47, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Hợp đồng thế chấp số: 0102/HDTC-PN/19 ký ngày 18/09/2019.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660201, vào sổ cấp GCN: CH09564; địa chỉ tại thửa đất số 1103, tờ bản đồ số 47, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Hợp đồng thế chấp số: 0106/HDTC-PN/19 ký ngày 18/09/2019.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660211, vào sổ cấp GCN: CH09574; địa chỉ tại thửa đất số 1113, tờ bản đồ số 47, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Hợp đồng thế chấp số: 0107/HDTC-PN/19 ký ngày 18/09/2019.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660220, vào sổ cấp GCN: CH09583; địa chỉ tại thửa đất số

1122, tờ bản đồ số 47, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Hợp đồng thế chấp số: 0108/HDTC-PN/19 ký ngày 18/09/2019.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660204, vào sổ cấp GCN: CH09567; địa chỉ tại thửa đất số 1106, tờ bản đồ số 47, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Hợp đồng thế chấp số: 0109/HDTC-PN/19 ký ngày 18/09/2019.

Tất cả các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cập nhật chủ sở hữu cho ông X và bà L vào ngày 31/5/2019 và đã được phía Ngân hàng và ông X, bà L đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận M vào ngày 19/9/2019.

Căn cứ kết quả trả lời phiếu yêu cầu xác minh ngày 05/5/2021, Công an phường H, (Quận M cũ), thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: *“Tại khu đất số 1097; 1103; 1113; 1122; 1106 thuộc tờ bản đồ số 47 không có ai cư trú tại đây”*.

Căn cứ công văn số 8753/CNTPĐ ngày 18/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thủ Đức về việc phúc đáp theo Công văn số 812/TAQ3 ngày 10/11/2021 của Tòa án nhân dân Quận 3 thể hiện *“...Ngày 19/9/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận M (nay thuộc thành phố Thủ Đức) xác nhận đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các tài sản nêu trên tại Ngân hàng A...”*.

Căn cứ Điều 4 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0109/HDTC-PN/19 ký ngày 18/09/2019 quy định về xử lý tài sản thế chấp như sau: *“Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm khi xảy ra ít nhất một sự kiện vi phạm và/hoặc theo quy định của pháp luật....”*

Căn cứ Điều 355 Bộ luật Dân sự quy định *“Trong trường hợp đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì việc xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 336 và Điều 338....”*.

Như vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A: Trường hợp ông X và bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc phát mãi các tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1097, 1103, 1113, 1122, 1106 tờ bản đồ số 47, Phường H, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh gồm: *Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 255595, sổ vào sổ cấp GCN: CH09558; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660201, sổ vào sổ cấp GCN: CH09564; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số*

CO 660211, số vào sổ cấp GCN: CH09574; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660220, số vào sổ cấp GCN: CH0958; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660204, số vào sổ cấp GCN: CH09567, do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/5/2019 cho ông X và bà L, để thu hồi nợ về cho Ngân hàng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A được chấp nhận nên bị đơn ông X và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 129.677.395 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 298, Điều 318, Điều 319, Điều 323; Điều 463; Khoản 1 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A.

Buộc ông X và bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ cho Ngân hàng A (tạm tính đến ngày 27 tháng 7 năm 2022) cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019:

+ Nợ gốc: 16.879.599.997 đồng

+ Lãi trong hạn: 4.388.553.939 đồng

+ Lãi quá hạn: 64.211.753 đồng;

- Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín số 072.TDCN.19.0080102 ngày 17/09/2019 từ ngày 28/7/2022

+ Nợ gốc: 136.695.707 đồng

+ Lãi: 69.595.940 đồng

+ Lãi quá hạn: 127.768.333 đồng

+ Phí vượt hạn mức: 10.969.607 đồng

Tổng cộng nợ gốc và lãi là 21.677.395.276 đồng (bằng chữ: *Hai mươi một tỷ sáu trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi sáu đồng*). Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Ông X và bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo thuận tại Hợp đồng cho vay số 0102/HDTD-PN/19DH ngày 17/09/2019 và Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín số 072.TDCN.19.0080102 ngày 17/09/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Nếu đến hạn thanh toán mà ông X và bà L không trả nợ hoặc trả không đủ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại các thửa đất số 1097, 1103, 1113, 1122, 1106 tờ bản đồ số 47, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 255595, số vào sổ cấp GCN: CH09558 do Ủy ban nhân dân Quận M cấp ngày 31/5/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660201, số vào sổ cấp GCN: CH09564 Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp ngày 31/5/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660211, số vào sổ cấp GCN: CH09574 Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp ngày 31/5/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660220, số vào sổ cấp GCN: CH09583 Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp ngày 31/5/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 660204, số vào sổ cấp GCN: CH095.67 Ủy ban nhân dân Quận M cấp ngày 31/5/2019 thuộc quyền sở hữu của ông X và bà L theo các Hợp đồng thế chấp số: 0102/HDTC-PN/19; số: 0106/HDTC-PN/19; số: 0107/HDTC-PN/19; số 0108/HDTC-PN/19 ký ngày 18/09/2019 và số: 0109/HDTC-PN/19 cùng ký ngày 18/09/2019. Số tiền thu được từ việc phát mãi, sau khi trừ các lệ phí liên quan theo quy định pháp luật, sẽ được trả nợ cho Ngân hàng A. Trường hợp trả nợ còn dư thì sẽ hoàn lại cho ông X và bà L. Trường hợp vẫn trả nợ không đủ thì ông X và bà L phải tiếp tục có nghĩa vụ trả dứt nợ.

3. Trường hợp ông X và bà L trả hết nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có nghĩa vụ trả lại các bản chính giấy tờ tài sản đã thế chấp nêu cho ông X và bà L.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông X và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 129.677.395 đồng (Bằng chữ: *Một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi lăm đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền án phí đã tạm nộp là 63.211.513 đồng (*Sáu mươi ba triệu hai trăm mười một ngàn năm trăm mười ba đồng*) theo biên lai thu số AA/2019/0007424 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông X và bà L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Hoa